TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 611/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trung

2. Bà Võ Thị Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 942/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1040/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1981
Số CCCD 082081012503
Địa chỉ: xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bị đơn: Bà **Tạ Thị Thanh T**, sinh năm: 1982
Số CCCD 082182000674
Địa chỉ trước khi xuất cảnh: , xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ hiện tại: Salisbury North SA 5108, Úc.
(Ông H, bà T có đơn xin vắng tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản không hòa giải được ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc

sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023, nay ông Nguyễn Xuân H yêu cầu được ly hôn với bà Tạ Thị Thanh T.

Về con chung: Ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T có 02 con chung tên Nguyễn Khúc Nam A, sinh ngày: 22/02/2010 và Nguyễn Đông A, sinh năm: 20/11/2014. Hiện trẻ Nam A đang sống chung với bà T và trẻ Đông A đang sống chung với ông H. Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Đông A và giao trẻ Nguyễn Khúc Nam A cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi trẻ Nam A mỗi tháng 35.000.000 đồng, ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Tạ Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt có bản khai trình bày: Bà và ông Nguyễn Xuân H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, tỉnh Đồng Tháp (xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cũ) vào năm 2007. Quá trình sống chung thì vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023.

Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Khúc Nam A, sinh ngày: 22/02/2010 và Nguyễn Đông A, sinh năm: 20/11/2014. Hiện trẻ Nam A đang sống chung với bà T và trẻ Đông A đang sống chung với ông H.

Nay đối với yêu cầu ly hôn của ông H thì bà T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Nam A và giao trẻ Đông A cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi trẻ Nam A mỗi tháng 35.000.000 đồng, bà T không cấp dưỡng nuôi trẻ Đông A.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông H nộp đơn xin ly hôn đối với bà Tạ Thị Thanh T. Bà T hiện không còn cư trú tại Việt Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Ông H, bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 74/HT, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/10/2007, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng".

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Xét thấy ông H và bà T đã phát sinh mâu thuẫn trong mối quan hệ, tình cảm vợ chồng. Bà T đồng ý ly hôn với ông H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà T là có mâu thuẫn, ông H và bà T đã có thời gian sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông H về việc xin được ly hôn với bà T.

[4] Về con chung:

Bà T và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Khúc Nam A, sinh ngày: 22/02/2010 và Nguyễn Đông A, sinh năm: 20/11/2014. Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Đông A và giao trẻ Nam A cho bà T nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi trẻ Nam A mỗi tháng 35.000.000 đồng. Hiện trẻ Nam A đang sống

chung với bà T và trẻ Đông A đang sống chung với ông H. Bà T cũng đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nam A và giao trẻ Đông A cho ông H nuôi dưỡng. Đồng thời trẻ Đông A cũng có nguyện vọng muốn được sống với cha, trẻ Nam A có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Nguyễn Khúc Nam A, sinh ngày: 22/02/2010 cho bà Tạ Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; giao trẻ Nguyễn Đông A, sinh năm: 20/11/2014 cho ông Nguyễn Xuân H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Xuân H tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Khúc Nam A mỗi tháng 35.000.000 đồng, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi trẻ Đông A. Bà Tạ Thị Thanh T cũng đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi trẻ Nam A mỗi tháng 35.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận ông Nguyễn Xuân H cấp dưỡng nuôi trẻ Đông A mỗi tháng 35.000.000 đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/5/2026 cho đến khi chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông H và bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 203, Điều Điều 228, Điều 273, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 9; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T.

Ông Nguyễn Xuân H được ly hôn với bà Tạ Thị Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 74/HT, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/10/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T có 02 con chung tên Nguyễn Khúc Nam A, sinh ngày: 22/02/2010 và Nguyễn Đông A, sinh năm: 20/11/2014. Giao trẻ Nguyễn Khúc Nam A cho bà Tạ Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao trẻ Nguyễn Đông A cho ông Nguyễn Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Xuân H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Khúc Nam A mỗi tháng 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) cho đến khi chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/5/2026, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Nguyễn Xuân H không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà Tạ Thị Thanh T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Nguyễn Xuân H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Tạ Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Xuân H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Nguyễn Xuân H phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0041486 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H còn phải nộp thêm số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Xuân H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo pháp luật tố tụng dân sự.

Bà Tạ Thị Thanh T đang ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thanh Loan